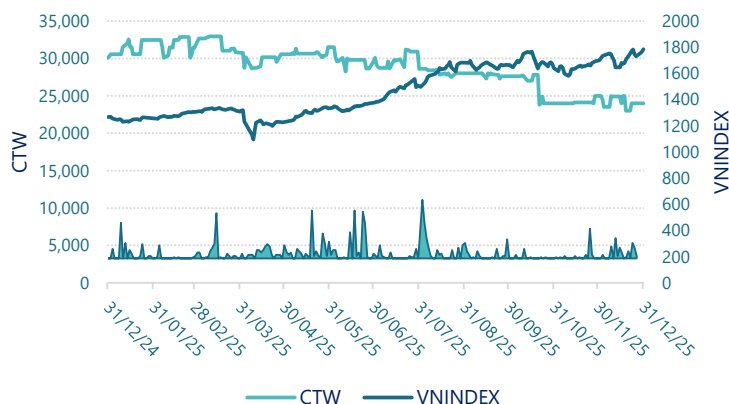


CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCOM: CTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,947
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,000
SL cổ phiếu LH	27,998,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	672
P/E	9.1
EPS	2,647

DT thuần

Q4/25

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 9.7%

YoY: ▼ 6.00 | -4.8%

LN sau thuế

Q4/25

19.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70 | 9.4%

YoY: ▲ 4.30 | 28.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

26.9%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2025

458

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 38.0 | -7.5%

LN sau thuế

2025

88.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.2 | -14.1%

ROE

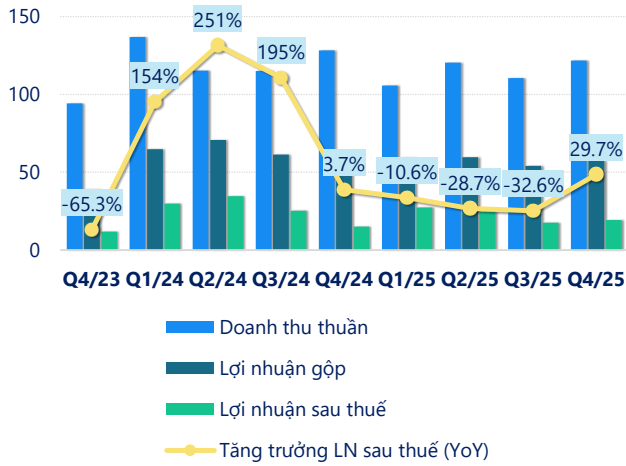
2025

12.6%

+/- YoY: ▼ 4.0%

tỷ VNĐ

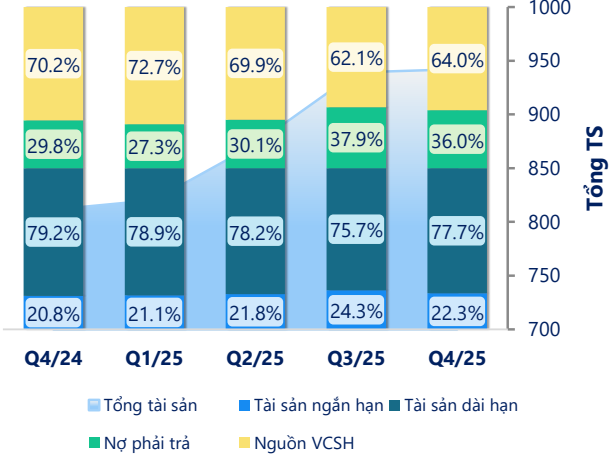
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

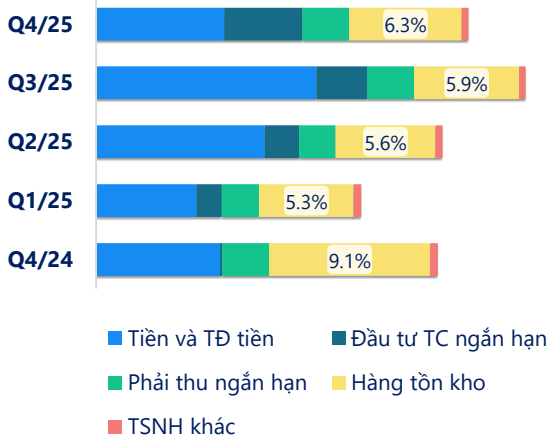
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



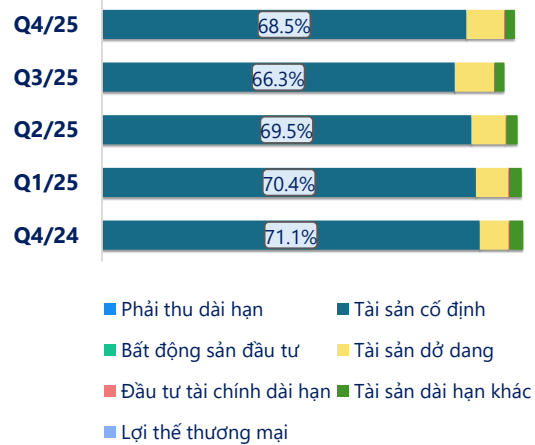
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

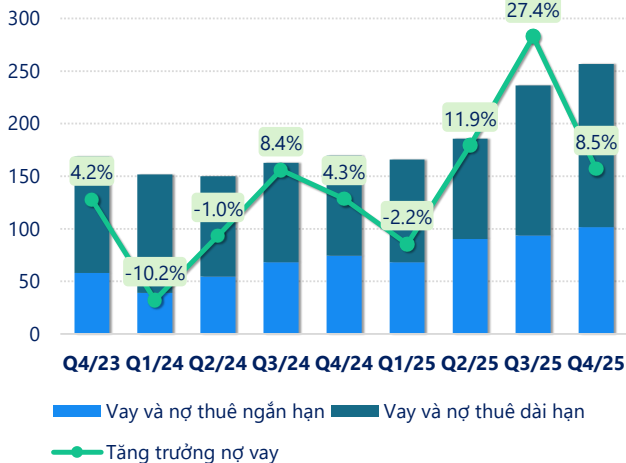
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

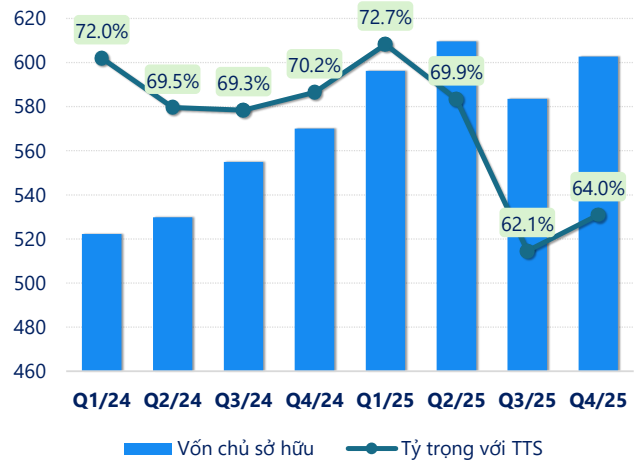
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

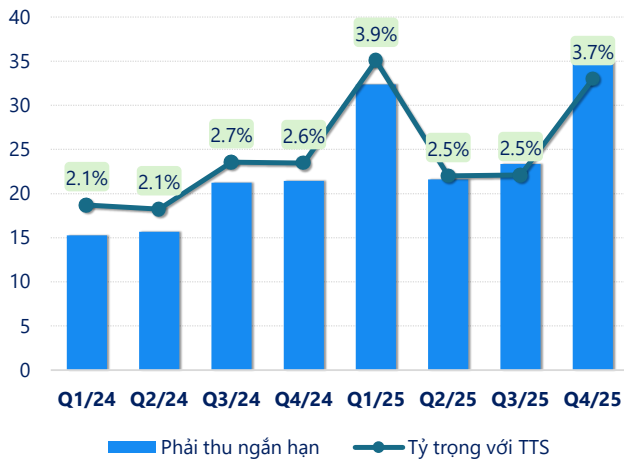
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

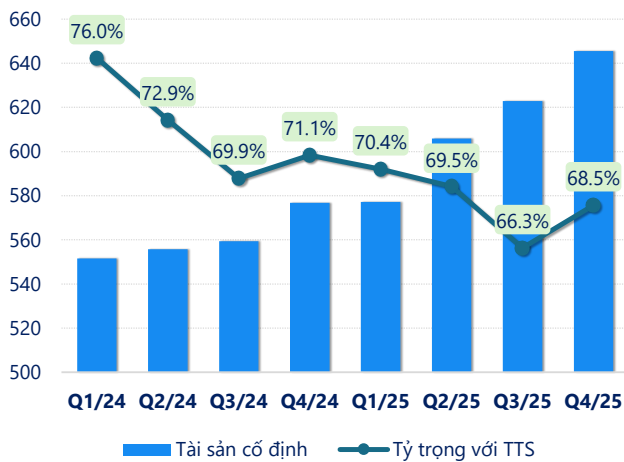
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

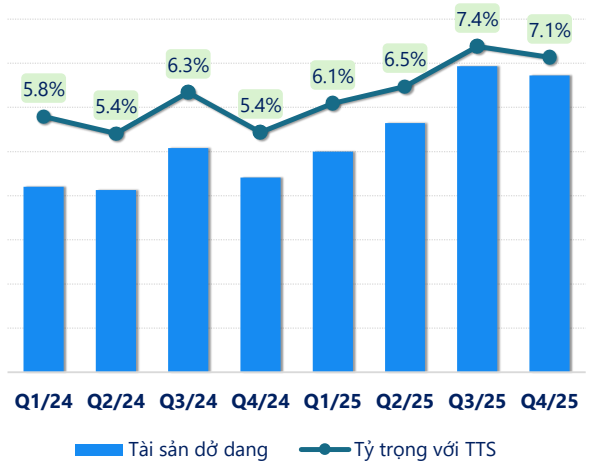
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

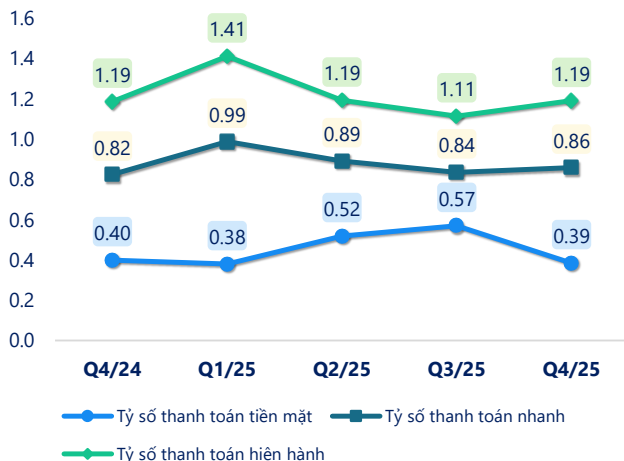
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



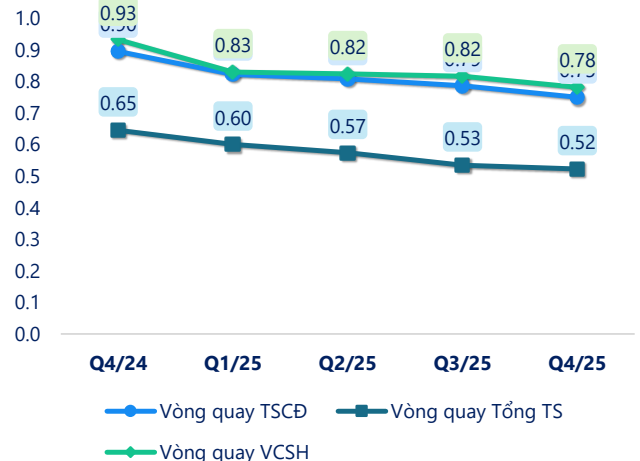
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	812	820	872	939	942
Tài sản ngắn hạn	169	173	191	228	211
Tiền và tương đương tiền	56.8	46.5	83.0	117	68.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.9	39.9	33.9	23.9	42.9
Phải thu ngắn hạn	21.4	32.4	21.6	23.4	35.0
Hàng tồn kho	51.5	51.9	48.1	57.1	58.6
Tài sản ngắn hạn khác	3.08	2.26	3.99	7.29	6.03
Tài sản dài hạn	643	648	682	711	732
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	577	577	606	623	646
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	44.1	50.0	56.5	69.3	67.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.88	0.88	0.88
Tài sản dài hạn khác	21.1	19.5	18.5	17.5	18.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	242	224	263	356	339
Nợ ngắn hạn	142	122	160	205	177
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	68.3	90.3	93.6	102
Phải trả người bán ngắn hạn	18.7	9.01	21.0	12.4	14.3
Nợ dài hạn	99.5	102	103	151	163
Vay và nợ thuê dài hạn	95.2	97.5	95.3	143	155
Nguồn vốn chủ sở hữu	570	596	610	584	603
Vốn chủ sở hữu	570	596	610	584	603
Vốn điều lệ	280	280	280	280	280
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)